

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2021

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- * **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
- * **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
 2. Ông Nguyễn Lâm Giang.
- * **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.
- * **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện nộp ngày 24/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lưu Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 03/10/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh L về chung sống với nhau tại gia đình anh L. Quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra

hiều mâu thuẫn, thường cãi vã do không có tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt.

* Tại biên bản xác minh ngày 06/04/2021, bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn L cho biết: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau năm 2008. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình bà làm dâu. Thời gian đầu vợ chồng anh L, chị H chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây có phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm. Chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 đến nay, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung thì vợ chồng anh L, chị H có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010 hiện đang ở với chị H. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con.

Tại biên bản xác minh ngày 06/04/2021, ông Nguyễn Văn T – Tổ trưởng tổ dân phố Đoàn Kết 1 cho biết: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh B. Chị H kết hôn với anh L năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh L về ở với mẹ đẻ anh L nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và trong quan hệ tình cảm. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung do hiện đang ở với chị H nên đề nghị giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị H, anh L đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh L không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 28; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.
- Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Văn L nhưng vắng mặt. Chị Lưu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 19/2021/QĐ-CCCTLCC ngày 06/4/2021 về việc yêu cầu anh L cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình, bản tự khai trình bày quan điểm về: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án cho anh Nguyễn Văn L nhưng anh L không có mặt tham gia hòa giải, xét xử và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N(nay là thị trấn N), huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị H, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010, hiện đang ở cùng chị H. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị H có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống để nuôi con chung. Hiện tại cháu Nguyễn Việt A đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đang phát triển ổn định, bình thường. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt A, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung của chị H như hiện nay. Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010 là phù hợp nguyện vọng của cháu Anh và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Nguyễn Việt A và phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 01 khoản 3 Điều 228; Khoản 01 Điều 177; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
2. Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/02/2010.

Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000252 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Lưu Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương